



**NGHỊ QUYẾT**  
V/v Hợp Hội đồng quản trị định kỳ Quý IV/2018

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (PV Gas South);
- Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng quản trị Công ty PV Gas South,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua kết quả SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty, cụ thể như sau:**

**1. Kết quả SXKD năm 2018:**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2018		TH 2018/ KH 2018
			KH	TH	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=5/4</i>
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>				
<b>1</b>	<b>Khí hóa lỏng LPG</b>	<b>Tấn</b>	<b>296.955</b>	<b>302.943</b>	<b>102,0%</b>
-	LPG dân dụng	Tấn	196.955	189.320	96,1%
-	LPG rời	Tấn	100.000	113.623	113,6%
<b>2</b>	<b>Vỏ bình</b>	<b>Vỏ</b>	<b>370.000</b>	<b>378.739</b>	<b>102,3%</b>
<b>3</b>	<b>Khí nén CNG</b>	<b>M<sup>3</sup></b>	<b>125.000.000</b>	<b>134.400.000</b>	<b>107,6%</b>
<b>4</b>	<b>Xăng dầu</b>	<b>Lít</b>	<b>4.000.000</b>	<b>4.721.000</b>	<b>118,0%</b>
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>				
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>5.927,37</b>	<b>6.590,82</b>	<b>111,2%</b>
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>135,97</b>	<b>137,30</b>	<b>101,0%</b>
<b>3</b>	<b>Nộp NSNN</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>74,09</b>	<b>115,27</b>	<b>155,6%</b>



<b>III</b>	<b>Đầu tư xây dựng</b>				
<b>1</b>	<b>Giá trị thực hiện đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>389,1</b>	<b>63,43</b>	<b>16,3%</b>
<b>2</b>	<b>Giá trị vốn giải ngân</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>308,8</b>	<b>95,29</b>	<b>30,9%</b>
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	99,6	95,29	30,8%
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	209,2	0	0%

HDQT biểu dương và đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực của Ban điều hành và tập thể CBCNV Công ty trong hoạt SXKD năm 2018, đặc biệt trong bối cảnh Nghị định 87/2018/NĐ-CP về kinh doanh khí ra đời, sự cạnh tranh trên thị trường kinh doanh LPG rất khốc liệt, giá dầu trong thời gian qua có nhiều biến động, Ban điều hành Công ty đã thực hiện tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động SXKD, công tác phát triển thị trường được tiếp tục mở rộng, công tác quản lý, điều hành luôn được cải tiến và thực hiện theo đúng các quy định, quy chế của Công ty, kết quả trong năm 2018 tất cả các chỉ tiêu SXKD đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao và có sự tăng trưởng so với năm 2017.

## 2. Kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2019
1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>		
<b>1</b>	<b>Khí hóa lỏng LPG</b>	<b>Tấn</b>	<b>312.572</b>
-	LPG dân dụng	Tấn	202.572
-	LPG công nghiệp	Tấn	110.000
<b>2</b>	<b>Khí nén CNG</b>	<b>M<sup>3</sup></b>	<b>131.000.000</b>
<b>3</b>	<b>Sản lượng xăng dầu</b>	<b>Lít</b>	<b>4.100.000</b>
<b>4</b>	<b>Sản lượng vỏ bình</b>		
-	Sản xuất mới	Vỏ bình	390.000
-	Bảo dưỡng sửa chữa	Vỏ bình	320.000
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính (được xây dựng dựa trên cơ sở giá dầu 65 USD/thùng, tỷ giá 1 USD = 23.000 đồng)</b>		
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>6.570,40</b>



2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	103,30
3	Nộp NSNN	Tỷ đồng	74,30
4	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	8,00
<b>III</b>	<b>Đầu tư và xây dựng</b> (Chi tiết như phụ lục 01 kèm theo)		
1	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	48,50
-	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	38,50
-	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	10,00
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	48,50
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	21,50
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	27,00

**Điều 2.** Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên và ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng: **28/03/2019**
- Ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên của Công ty: Vào lúc 8h30' ngày **18/04/2019**
- Địa điểm tổ chức ĐH: **Khách sạn Rex**

**Điều 3.** Thông qua việc thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 gồm các Ông/Bà có tên sau:

- |                      |                           |             |
|----------------------|---------------------------|-------------|
| 1. Ông Trần Văn Nghị | TV HĐQT kiêm Phó giám đốc | Trưởng ban; |
| 2. Ông Ngô An Hòa    | Kế toán trưởng            | Phó ban;    |
| 3. Bà Lương Thị Thủy | Trưởng Phòng TCHC         | Thành viên; |
| 4. Ông Phạm Thái Sơn | Phó Phòng TCHC            | Thành viên; |
| 5. Bà Hà Thị Hợp     | Thư ký HĐQT               | Thành viên. |

**Điều 4.** Các Ông/Bà Giám đốc, Trưởng các Phòng/Đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- TV HĐQT, Ban KS, Ban GD;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Tấn**



**Phụ lục 1: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2019 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-KMN ngày 21 tháng 01 năm 2019)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên Dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian		Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt						Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu dự án đến 31/12/2018			Kế hoạch năm 2019					
			KC	HT	Số quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân			Mục tiêu/Công việc thực hiện	
								Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
									Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác			Vốn chủ sở hữu			Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác
<b>TỔNG SỐ</b>																			
								412.3	130.7	281.6	23.0	6.9	16.1	65.8	48.5	21.5	27.0		
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN NHÓM B</b>							98.0	29.4	68.6	3.6	1.1	2.5	4.9	2.5	0.7	1.7		
<b>I</b>	<b>DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>							98.0	29.4	68.6	3.6	1.1	2.5	4.9	2.5	0.7	1.7		
1	Di dời kho và trạm chiết LPG của VT Gas tại cảng Đồng Nai	Đồng Nai					KMN	98.0	29.4	68.6	3.6	1.1	2.5	4.9	2.5	0.7	1.7	Phê duyệt BC NCKT, thiết kế bản vẽ thi công.	
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN NHÓM C</b>							304.3	91.3	213.0	19.4	5.8	13.6	50.9	36.0	10.8	25.3		
<b>I</b>	<b>DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH</b>							18.3	5.5	12.8	12.0	3.6	8.4		6.3	1.9	4.4		
1	Di dời, nâng cấp dây chuyền sơn sửa bình Gas chi nhánh Miền Tây (di dời sang vị trí kho đạm Trà Nóc)	Cần Thơ	QIII/2018	QIV/2018	348/QĐ-KMN	10/08/2018	KMN	15.0	4.5	10.5	10.4	3.1	7.3		4.6	1.4	3.2	Hoàn thành thanh quyết toán	
2	Cải tạo và mở rộng hệ thống CNG cho khách hàng Nam Kim 3 và ViNaOne	Bình Dương	QIII/2018	QIV/2018	67/QĐ-CNĐN	07/06/2018	KMN	3.3	1.0	2.3	1.6	0.5	1.1		1.7	0.5	1.2	Hoàn thành thanh quyết toán	
<b>II</b>	<b>DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP</b>							16.6	5.0	11.6	7.4	2.2	5.2	5.7	7.2	2.2	5.0		
1	Nâng cấp trạm chiết LPG Bình Phước	Bình Phước	QIV/2018	QII/2019	65/QĐ-KMN	11/09/2018	KMN	8.6	2.6	6.0	5.4	1.6	3.8	1.7	3.2	1.0	2.2	Hoàn thành thanh quyết toán	
2	Cải tạo, mở rộng Trạm CNG Mỹ Xuân (Xây dựng nhà bảo dưỡng Trailer, mở rộng nền bãi)	Mỹ Xuân	QIII/2018	QII/2019	410/QĐ-KMN	27/09/2018	KMN	8.0	2.4	5.6	2.0	0.6	1.4	4.0	4.0	1.2	2.8	Hoàn thành thanh quyết toán	
<b>III</b>	<b>DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI</b>							97.5	29.3	68.3				36.6	18.3	5.5	12.8		
1	Trạm cấp CNG cho giao thông vận tải bến xe Miền Tây (Di dời từ Trạm Tân Kiên về Bến xe Miền Tây)	Tp.HCM	QI/2019	QIV/2019			KMN	5.5	1.7	3.9				5.5	2.8	0.8	1.9	Hoàn thành dự án, đưa vào sử dụng.	
2	Trạm cấp CNG trung tâm tại KCN Long Giang	Tiền Giang	QII/2019	QIV/2019			KMN	25.0	7.5	17.5				7.5	3.8	1.1	2.6	Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	
3	Trạm cấp CNG cho giao thông vận tải bến xe công viên 23/9	Tp.HCM	QII/2019	QIV/2019			KMN	22.0	6.6	15.4				1.1	0.6	0.2	0.4	Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	
4	Trạm cấp CNG cho giao thông vận tải bến xe Chợ Lớn	Tp.HCM	QII/2019	QIV/2019			KMN	10.0	3.0	7.0				5.0	2.5	0.8	1.8	Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	
5	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp di dời các kho, trạm cho toàn PV Gas South	Miền Nam	QI/2019	QIV/2019			KMN	35.0	10.5	24.5				17.5	8.8	2.6	6.1	Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	
<b>IV</b>	<b>DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>							172.0	51.6	120.4				8.6	4.3	1.3	3.0		
1	Trạm chiết LPG Tây Ninh (di dời từ khu dân cư hiện hữu vào khu công nghiệp, đầu tư dân chiết nạp tự động)	Tây Ninh	QI/2019	QIV/2019			KMN	24.0	7.2	16.8				1.2	0.6	0.2	0.4	Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	
2	Trạm cấp CNG cho giao thông vận tải bến xe Quận 8	Tp.HCM	QI/2019	QIV/2019			KMN	22.0	6.6	15.4				1.1	0.6	0.2	0.4	Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	
3	Trạm cấp CNG cho giao thông vận tải bến xe Tân Phú	Tp.HCM	QI/2019	QIV/2019			KMN	22.0	6.6	15.4				1.1	0.6	0.2	0.4	Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	

S-C  
KHÍ  
MI  
HIỆP



TT	Tên Dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian		Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt						Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu dự án đến 31/12/2018			Kế hoạch năm 2019					
			KC	HT	Số quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân			Mục tiêu/Công việc thực hiện	
								Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
									Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác			Vốn chủ sở hữu			Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác
4	Trạm cấp CNG cho giao thông vận tải bến xe Củ Chi	Tp.HCM	QI/2019	QIV/2019			KMN	22.0	6.6	15.4				1.1	0.6	0.2	0.4	Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	
5	Trạm cấp CNG cho giao thông vận tải tại Biên Hòa	Đồng Nai	QI/2019	QIV/2019			KMN	22.0	6.6	15.4				1.1	0.6	0.2	0.4	Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	
6	Đường ống, thiết bị cấp CNG cho 04 khách hàng mới (Thép Việt Thành, Dệt nhuộm Yu Yang, Zahonero VN, Thép Ngọc Thủy)	Long An	QI/2019	QIV/2019			KMN	36.0	10.8	25.2				1.8	0.9	0.3	0.6	Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	
7	Trạm cấp CNG cho 02 khách hàng mới (Tân Á Đại Thành, Thủy Tinh Cẩm Đạt)	Long An	QI/2019	QIV/2019			KMN	24.0	7.2	16.8				1.2	0.6	0.2	0.4	Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	
<b>C</b>	<b>MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ</b>							<b>10.0</b>	<b>10.0</b>	<b>-</b>				<b>10.0</b>	<b>10.0</b>	<b>10.0</b>	<b>-</b>		
1	Trang thiết bị phục vụ SXKD của PV Gas South và các chi nhánh (Cân nạp LPG, máy phát điện, máy biến áp, bơm cứu hỏa, máy bán bi, xe tải ...)	KMN	QI/2019	QIV/2019			KMN	9.0	9.0					9.0	9.0	9.0		Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	
2	Trang thiết bị, phần mềm văn phòng	KMN	QI/2019	QIV/2019			KMN	1.0	1.0					1.0	1.0	1.0		Thực hiện theo nhu cầu thực tế.	